

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CD-05**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2050048	Phan Văn Tuấn	Anh		0	0					0	0	0.0
2	14D2050054	Thới Huy	Biên		10	9					9	10	9.6
3	14D2050060	Đàng Văn	Cường		10	10					10	10	10.0
4	14D2050065	Bùi Văn	Diệu		7	9					8	10	9.0
5	14D2050066	Nguyễn Văn	Dương		7	8					7	10	8.6
6	14D2050284	Nguyễn Ngọc	Duy		8	9					7	10	8.8
7	14D2050070	Phạm Đình	Duy		9	9					7	10	8.9
8	14D2050075	Hồ Tấn	Đạt		0	0					0	0	0.0
9	14D2050080	Đinh Ren	Đi		0	0					0	0	0.0
10	14D2050264	Trương Công Bảo	Định		0	0					0	0	0.0
11	14D2050085	Trần Văn Chón	Em		0	0					0	0	0.0
12	14D2050090	Nguyễn Thanh	Hải		9	9					7	10	8.9
13	14D2050105	Trần Văn	Hùng		10	10					10	10	10.0
14	14D2050106	Nguyễn Ngọc	Hương		7	7					7	0	3.5
15	14D2050110	Nguyễn Đình	Huy		6	7					6	7	6.6
16	14D2050111	Nguyễn Hồ Ngọc	Huy		0	0					10	0	3.0
17	14D2050115	Dương Minh	Kha		9	8					10	8	8.7
18	14D2050120	Nguyễn Hoàng Phi	Khanh		7	8					8	7	7.4
19	14D2050125	Nguyễn Tùng	Lâm		7	9					7	0	3.7
20	14D2050126	Phạm Thanh	Lâm		7	8					8	6	6.9
21	14D2050130	Nguyễn Đức	Long		8	9					8	9	8.6
22	14D2050135	Lại Hoàng	Minh		10	10					10	8	9.0
23	14D2050140	Phạm Nhựt	Nam		0	0					0	0	0.0
24	14D2050145	Nguyễn Minh	Ngọc		10	8					10	10	9.8
25	14D2050155	Trịnh Minh	Nhiên		7	8					7	7	7.1
26	14D2050160	Lâm Gia	Phú		10	8					9	0	4.5
27	14D2050165	Phan Anh	Phúc		7	9					9	7	7.8
28	14D2050293	Nguyễn Phạm Minh	Quang		7	8					9	7	7.7
29	14D2050170	Phạm Trung	Quý		7	8					7	7	7.1
30	14D2050171	Ngô Thanh	Quý		8	8					8	10	9.0
31	14D2050175	Nguyễn Đình	Sang		7	7					8	9	8.3
32	14D2050176	Phạm Đình	Sang		10	10					10	9	9.5
33	14D2050180	Hoàng Đình	Sỹ		8	8					8	10	9.0
34	14D2050185	Nguyễn Quốc	Tân		10	10					10	10	10.0
35	14D2050190	Nguyễn Văn	Thắng		8	9					10	5	7.2
36	14D2050195	Nguyễn Nhật	Thành		8	9					8	7	7.6
37	14D2050200	Hà Triều Quốc	Thịnh		7	8					7	5	6.1
38	14D2050205	Nguyễn Tấn Thanh	Thương		9	9					8	8	8.2
39	14D2050210	Võ Văn	Tiến		7	7					8	9	8.3
40	14D2050215	Bùi Văn	Toàn		7	7					7	7	7.0
41	14D2050216	Nguyễn Văn	Toàn		7	8					9	5	6.7
42	14D2050220	Hồ Văn	Tri		7	8					8	8	7.9
43	14D2050225	Hoàng Đình	Trình		8	2					8	0	3.4
44	14D2050271	Nguyễn Văn	Trọng		9	10					10	6	7.9
45	14D2050232	Nguyễn Xuân	Trường		7	8					10	7	8.0
46	14D2050288	Quách Khén	Trương		7	7					7	7	7.0
47	14D2050235	Đặng Thanh	Tuấn		7	8					7	8	7.6
48	14D2050283	Nguyễn Chánh	Tuấn		9	9					8	0	4.2
49	14D2050240	Vũ Hữu	Tuấn		8	8					6	6	6.4
50	14D2050245	Trần Thanh	Tùng		9	2					9	0	3.8
51	14D2050249	Hồ Hữu	Việt		7	7					9	8	8.1

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
52	14D2050254	Đỗ Trần Anh Vũ		9	9					9	8	8.5
53	14D2050273	Lê Thái Vương		0	0					0	0	0.0

Tổng danh sách có : 53 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ

: 17 SV

(32.08%)

Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ

: 17 SV

(32.08%)

Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ

: 5 SV

(9.43%)

Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ

: 2 SV

(3.77%)

Tổng số SV có điểm kém <4 đ

: 12 SV

(22.64%)

Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện

: 0 SV

(0%)

Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 41 SV (77.36%)

Tổng số SV có điểm < 4 đ : 12 SV (22.64%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

KT TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.





Nguyễn Đức Thắng



Nguyễn Đức Thắng

Nguyễn Tiến Dương